



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Đầu tư quốc tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	01	1	4,0	01	Phương	le'
2	000002	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	01	2	6,0	01	Anh	chấn
3	000003	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	01	3	8,0	01	Anh	le'
4	000004	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	01	4	8,0	01	Bộ	chấn
5	000005	1101080510	Phạm Hải	Đặng	23/02/2005	TM11A	01	5	4,0	01	Đặng	le'
6	000006	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	01	6	7,5	01	Duyên	chấn
7	000007	1101081101	Lê Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	01	7	9,0	01	Hà	le'
8	000008	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	01	8	6,0	01	Hà	chấn
9	000009	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	01	9	6,0	01	Hằng	le'
10	000010	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	01	10	6,0	01	Hiếu	chấn
11	000011	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	01	11	6,0	01	Huyền	le'
12	000012	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	01	12	4,5	01	Huyền	chấn
13	000013	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	01	13	6,0	01	Lan	le'
14	000014	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	01	14	7,0	01	Linh	chấn
15	000015	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	01	15	6,8	01	Linh	le'
16	000016	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	01	16	5,5	01	Linh	chấn
17	000017	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	01	32	6,5	01	anh	le'
18	000018	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	28/08/2005	TM11A	01	17	7,5	01	khánh	chấn
19	000019	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	01	18	8,0	01	Linh	le'
20	000020	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	01	19	6,5	01	ly	chấn
21	000021	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	01	20	4,8	01	Mai	le'
22	000022	1101080416	Nguyễn Thị Tố	Quỳnh	01/01/2005	TM11A	01	21	6,5	01	Quỳnh	chấn
23	000023	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	01	22	7,3	01	Quỳnh	le'
24	000024	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	01	23	6,0	01	Thái	chấn
25	000025	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	01	24	8,0	01	Thành	le'
26	000026	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	01	25	7,0	01	Thùy	chấn
27	000027	1101080421	Nguyễn Văn	Tối	30/10/2005	TM11A	01	26	8,5	01	Tối	le'

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000028	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	01	27	4,3	01	Trang	chấn
29	000029	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	01	28	6,5	01	Trang	lẻ
30	000030	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	01	29	6,5	01	Trung	chấn
31	000031	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	01	30	7,0	01	Dương	lẻ
32	000032	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	01	31	8,0	01	Yến	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:.....32

Tổng số tờ giấy thi:.....32

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày ...5... tháng ...1... Năm ...2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Mai
Huyền

Trịnh Thu Trang